

Bản án số: 135/2019/DS-ST.
Ngày: 10/5/2019.
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn;
2. Ông Nguyễn Văn Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 543/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 04 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1961;
- Bà Trần Thị L, sinh năm 1961;

Cùng nơi cư trú: Số 63/5 ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Công H: Bà Trần Thị L, sinh năm 1961; nơi cư trú: Số 63/5 ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Số 60/2 ấp QT, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/12/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Công H; bà Trần Thị L trình bày:

Vào ngày 28/11/2014, bà và ông Nguyễn Công H có bán gạch xây dựng cho

ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T (con của ông C) để làm bàn dân dựng và xây nhà với tổng số tiền 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Hai bên có làm hóa đơn thanh toán tiền mua bán, bà L và ông H đã giao hàng đầy đủ cho và anh Trần. Ông C và anh T có hẹn vài ngày sau khi nhận hàng sẽ giao tiền mua hàng cho ông H và bà L. Nhưng đến nay ông C và anh T chưa thanh toán số tiền nêu trên cho ông H và bà L. Ông H và bà L yêu cầu ông C và anh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông H và bà L số tiền nợ là 43.766.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);
- Tiền nợ lãi là 13.496.000đ (lãi suất 1,6%, tính từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2018);

Yêu cầu trả 01 lần dứt nợ và ông H và bà L yêu cầu tính lãi từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử xong vụ án với lãi suất quy định theo quy định của Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng theo nội dung biên bản hòa giải ngày 27/3/2019; bản tự khai ngày 27/3/2019 và trong quá trình tố tụng, ông C trình bày:

Vào ngày 28/11/2014, ông C và con của ông là anh T có mua gạch xây dựng của ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị L để làm bàn và xây nhà với tổng số tiền 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Hai bên có làm hóa đơn thanh toán tiền mua bán, ông H và bà L đã giao hàng đầy đủ cho ông C và anh Trần. Ông và anh Chiến có hẹn vài ngày sau khi nhận hàng sẽ giao tiền mua hàng cho ông H và bà L. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa thanh toán được số tiền trên cho ông H và bà L. Ông C xác nhận có nợ ông H và bà L số tiền nợ là 43.766.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);
- Tiền nợ lãi là 13.496.000đ (lãi suất 1,6%, tính từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2018);

Ông C đồng ý liên đới cùng con của ông là anh Nguyễn Văn C trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu nêu trên của nguyên đơn.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi đến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị L tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” với bị đơn ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T, cùng nơi cư trú 60/2 ấp Quí Thuận B, xã Hòa Lợi, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị L là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà L, ông C và anh T.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Nguyễn Công H, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng mua bán tài sản này hợp pháp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung tranh chấp:

Năm 2014, ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị L có hợp đồng mua bán gạch xây dựng với ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T để ông C và anh T xây nhà và bàn ghế dân dụng kinh doanh. Trong quá trình giao dịch, hai bên kết sổ nhiều lần; đến ngày 28/11/2014, hai bên kết sổ lần cuối, ông C và anh T còn nợ ông H và bà L số tiền 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Nay ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị L yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H và bà L số tiền còn nợ là 43.766.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);
- Tiền nợ lãi là 13.496.000đ (lãi suất 1,6%, tính từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2018);

Ông H và bà L yêu cầu trả 01 lần dứt nợ và yêu cầu tính lãi từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử xong vụ án với lãi suất quy định theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng mua bán giữa ông Nguyễn Công H, bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Mục đích việc mua hàng hóa từ ông H, bà L nhằm xây nhà và bàn ghế để kinh doanh, tạo nguồn thu

nhập chung cho gia đình. Ông C và anh T chưa thanh toán hết số tiền đã mua hàng hóa của ông H và bà L cung cấp. Ông C đã xác nhận ông và anh Chiến cùng mua hàng hóa và kết sổ với ông H và bà L. Trong quá trình tố tụng, ông C đồng ý liên đới với anh T cùng trả nợ cho ông H và bà L số tiền nợ mà ông H và bà L yêu cầu. Do đó, yêu cầu của ông H và bà L về việc buộc ông C và anh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ là phù hợp với khoản 1 Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất số tiền nợ là 43.766.000đ (Bốn mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);
- Tiền nợ lãi là 13.496.000đ (lãi suất 1,6%, tính từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2018);

Bị đơn ông Nguyễn Văn C tự nguyện đồng ý liên đới với anh Nguyễn Văn T trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày thụ lý vụ án đến khi xét xử xong vụ án với lãi suất quy định theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án, nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận nào khác về việc tính lãi đối với số tiền nợ gốc mà bị đơn chưa hoàn trả cho nguyên đơn. Bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn đã làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trong giai đoạn này. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tính lãi phát sinh trong giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án (tính từ ngày 04/12/2018 đến ngày 10/5/2019) đối với số tiền nợ gốc 30.270.000đ; áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và lãi suất 0,83%/tháng theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể như sau: $05 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 30.270.000\text{đ} = 1.256.205\text{đ}$ (Một triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm linh năm đồng) là đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Công H và bà Trần Thị L.

Buộc ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ là 45.022.205đ (Bốn mươi lăm triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm linh năm đồng). Trong đó:

- Tiền nợ gốc là 30.270.000đ (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);
- Tiền nợ lãi là 13.496.000đ (tính từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2018);
- Tiền nợ lãi (tính từ ngày 04/12/2018 đến ngày 10/5/2019) là 05 tháng x 0,83%/tháng x 30.270.000đ = 1.256.205đ (Một triệu hai trăm năm mươi sáu hai trăm linh năm đồng).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới nộp 2.251.110đ (Hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn một trăm mười đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại cho ông Nguyễn Công H và bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.094.150đ (Một triệu không trăm chín mươi bốn nghìn một trăm năm mươi đồng) theo biên thu tiền số 0021471 ngày 04/12/2018.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Sơn

Nguyễn Văn Sơn

Đặng Văn Phương